

Bản án số: 27/2021/DS-ST
Ngày 19 tháng 5 năm 2021
Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H- THÀNH PHỐ Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hào
 - *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Tùng
Ông Phạm Xoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H- Thành phố Đ tiến hành công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 229/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng về yêu cầu miễn, giảm lãi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30a/2021/QĐST-DS ngày 19/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê P**, sinh năm: 1963, bà **Phan Thị Ngọc N**, sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: Tổ 16, phường A, quận S, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1963. Địa chỉ: K85/10 đường Ô, quận H, thành phố Đ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng S chứng nhận ngày 10.12.2020, (ông H có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* **Ngân hàng TMCP P**. Địa chỉ trụ sở: 45 đường L, quận M, thành phố H. Địa chỉ chi nhánh: Ngân hàng TMCP P- Phòng giao dịch Đ. Địa chỉ chi nhánh: 05 đường Đồng Đa, quận H, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Văn Q; sinh năm 1991; chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ; địa chỉ: 34-36 đường Q, quận H, thành phố Đ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 40/2019/UQ-CT.HĐQT ngày 04/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP P và Giấy ủy quyền lại số 139/GUQ-OCB.20 ngày 07.12.2020 của Giám đốc Trung tâm bán lẻ Ngân hàng TMCP P chi nhánh T (ông Q có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của ông Lê P và bà Phan Thị Ngọc N; Bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân quận H- Thành phố Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Vào tháng 7 năm 2017, do có nhu cầu kinh doanh nên ông Lê P có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP P- Phòng giao dịch Đ để vay số tiền 2 tỷ thông qua 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0160A/2017/HĐTD-CN 3/7/2017 KUNN-CN ngày 03.7.2017 KUNN 1060/2017/OCB với số tiền vay là 500.000.000đ. Hợp đồng này đã được ông P tắt toán, trả nợ xong cho Ngân hàng vào năm 2018.

- Hợp đồng tín dụng số 0160/2017/HĐTD-CN 3/7/2017 KUNN-CN ngày 03.7.2017 KUNN 1060/2017/OCB với số tiền vay là 1.500.000.000đ, thời hạn vay là 180 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông P thế chấp cho Ngân hàng tài sản là thửa đất số 311, tờ bản đồ số 5; diện tích là 133,10 m², đất ở lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3403012257, sổ vào sổ cấp 70793 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 14.10.2003 tại địa chỉ tổ 59 phường A, quận S, thành phố Đ.

Tháng 02 năm 2020, do đại dịch Covid bùng phát một thời gian dài. Đến tháng 7 năm 2020, đợt dịch thứ hai lại bùng phát nên ảnh hưởng đến rất nghiêm trọng đến kinh tế của gia đình ông P. Do đó, ông P không có khả năng thanh toán các khoản nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng. Tuy khó khăn nhưng ông P vẫn cố gắng thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn cho ngân hàng. Cụ thể: ngày 29.12.2020, nguyên đơn đã trả cho ngân hàng số tiền là 200.000.000đ, trong đó 100.000.000đ tiền gốc và 100.000.000đ tiền lãi. Ngày 18.01.2021, nguyên đơn đã trả cho ngân hàng dứt điểm tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn số tiền là 74.300.000 đồng. Hiện nay, nguyên đơn không còn nợ ngân hàng tiền gốc và tiền lãi theo kỳ trả nợ.

Nay nguyên đơn khởi kiện đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần P áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và Thông tư 03/2021 của Ngân hàng Nhà nước tạo điều kiện truy miễn, giảm lãi cho ông Lê P và bà Phan Thị Ngọc N từ thời điểm dịch covid tháng 02 năm 2020 đến nay số tiền là 39.870.416 đồng.

** Ông Đinh Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngân hàng TMCP P trình bày:*

Ngân hàng TMCP P sẽ chỉ xem xét giảm lãi vay cho nguyên đơn trong trường hợp nguyên đơn có đề nghị và được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng TMCP P xem xét chấp thuận theo đúng trình tự thủ tục của ngân hàng và pháp luật quy định. Hiện nay, trường hợp của nguyên đơn chưa được cấp có thẩm quyền của ngân hàng chấp thuận miễn, giảm lãi; mặt khác, căn cứ lịch sử trả nợ của ông P và bà N thể hiện ông và bà vẫn có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên đối chiếu với Quy chế miễn giảm lãi theo quyết định 138/2014 ngày 03/11/2014 của Ngân hàng TMCP P thì ông P và bà N không thuộc đối tượng được miễn giảm lãi nên ngân hàng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP P Phòng giao dịch Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn đề nghị Ngân hàng miễn, giảm tiền lãi vay. Tòa án xác định đây là tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng tín dụng nên các bên tham gia tranh chấp là các bên trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng. Do Ngân hàng TMCP P Chi nhánh T - Phòng giao dịch Đ là tổ chức không có tư cách pháp nhân, hoạt động theo sự ủy quyền của Ngân hàng TMCP P. Do vậy, Tòa án xác định bị đơn trong vụ án là Ngân hàng TMCP P và không đưa ông Lê D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo điểm 3 Điều 11 của Hợp đồng tín dụng số 0160/2017/HĐTD-CN ngày 03/7/2017 các bên có thỏa thuận “*Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam*”. Do Ngân hàng TMCP P Chi nhánh T - Phòng giao dịch Đ có trụ sở đóng trên địa bàn quận H nên nguyên đơn lựa chọn Tòa án quận H thành phố Đ giải quyết tranh chấp là phù hợp với điểm b, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ông Lê P và vợ là bà Phan Thị Ngọc N có cùng nhau ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP P, theo hợp đồng tín dụng số 0160/2017/HĐTD-CN ngày 03/7/2017, vợ chồng ông bà vay của Ngân hàng TMCP P Phòng giao dịch Đ số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng); thời hạn vay là 180 tháng; lãi suất: 9,75%/năm cố định 12 tháng đầu, tháng 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay thả nổi và điều chỉnh định kỳ 06 tháng lần; mục đích vay bù đắp mua bất động sản; phương thức trả góp theo dư nợ giảm dần; trả nợ gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 05 hàng tháng.

[3.1] Tại điểm b khoản 2 Điều 10 về quyền và nghĩa vụ của bên vay của Hợp đồng tín dụng số 0160/2017 ngày 03/7/2017 các bên thỏa thuận: “*Bên vay có nghĩa vụ trả đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ (nợ gốc, lãi, phí, khoản phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác liên quan) theo thỏa thuận của hợp đồng này*” và theo Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch covid-19 tại Điều 5 về miễn, giảm lãi, phí có quy định “*Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 10/6/2020 từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 31/12/2021 và khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid - 19*”. Như vậy, Ngân hàng TMCP P là đơn vị cho vay có quyền chủ động quyết định việc miễn, giảm lãi vay theo quy định nội bộ của Ngân hàng với điều kiện khoản vay

được miễn giảm lãi phải có thời hạn trả nợ gốc hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 31/12/2021, cùng với điều kiện khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn do bị suy giảm doanh thu, thu nhập do dịch Covid-19. Tại khoản 4 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng*”. Điều này cho thấy rằng, việc quyết định có miễn, giảm lãi vay cho khách hàng vay hay không là quyền của Ngân hàng chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc. Mặt khác, theo Quy chế miễn, giảm lãi vay ban hành kèm Quyết định số 138/2014/QĐ-HĐQT ngày 03/11/2014 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP P tại điểm 3 Điều 5 về nguyên tắc miễn, giảm lãi vay quy định “*Chỉ áp dụng miễn, giảm lãi vay đối với phần lãi khách hàng chưa trả, phần lãi khách hàng đã trả không được miễn, giảm*”

[3.2] Thực hiện hợp đồng tín dụng, theo trình bày của nguyên đơn, mặc dù có nhiều khó khăn nhưng nguyên đơn đã thanh toán dứt điểm các khoản nợ phát sinh trong kỳ hạn vay cho Ngân hàng, cụ thể thời gian khó khăn gần nhất là ngày 29/12/2020, bên vay đã trả cho Ngân hàng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) trong đó 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền lãi. Tiếp theo ngày 18/01/2021, trả lãi trong hạn và quá hạn là 74.000.000đ (Bảy mươi bốn triệu đồng). Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày ông P bà N đã trả dứt điểm các khoản nợ phát sinh cho Ngân hàng, hiện chỉ nợ 02 tháng tiền lãi theo định kỳ gần đây nhưng không phải vì ông P bà N không trả mà vì Ngân hàng yêu cầu trả cho chi phí bán đấu giá tài sản nên không chịu thu nợ của ông P bà N. Điều đó thể hiện, mặc dù có nhiều khó khăn trong thời gian dịch bệnh covid nhưng ông P và bà N cũng có năng lực cố gắng trả nợ cho Ngân hàng, không để phát sinh nợ quá hạn. Mặt khác, số tiền yêu cầu được giảm lãi là 39.870.416 đồng đã được ông P bà N trả xong nay yêu cầu được truy miễn, giảm là chưa đáp ứng các điều kiện để thuộc trường hợp được miễn, giảm lãi theo quy định tại Điều 5 của Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 của Ngân hàng nhà nước nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì thấy, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: $39.870.416đ \times 5\% = 1.993.520,8đ$.

[4.1] Tuy nhiên, bà Phan Thị Ngọc N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, xét miễn toàn bộ số tiền án phí mà bà N phải nộp là: $1.993.520,8 \text{ đồng} : 2 = 996.760,4 \text{ đồng}$ (làm tròn 996.760đ)

[4.2] Đối với ông Lê P, xét thấy gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhất định ông có làm đơn xin miễn, giảm án phí nên áp dụng khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 xét giảm cho ông P 50% án phí. Số tiền án phí ông P còn phải nộp là: $996.760 \text{ đồng} : 50\% = 498.380 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên quyết định

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng

Khoản 4 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng

Điều 5 của Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch covid-19.

Điểm b, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 13, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê P và vợ là bà Phan Thị Ngọc N đối với Ngân hàng TMCP P về yêu cầu được truy miễn, giảm lãi với số tiền 39.870.416 đồng

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí;
- Bà Phan Thị Ngọc N được miễn án phí;
- Ông Lê P được giảm 50% số tiền án phí, ông P còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 498.380đ, khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí ông P bà N đã nộp, hoàn trả lại cho bà Phan Thị Ngọc N và ông Lê P số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 498.380đ theo biên lai thu số 0005105 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận H-Thành phố Đ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo